

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 387/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Nai

SỔ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CÔNG VĂN ĐẾN
Ngày: 11/02/2015

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới tại Tờ trình số 2246/TTr-SNN ngày 31/7/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Nai (Bộ tiêu chí kèm theo).

Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao của tỉnh để các xã đạt chuẩn nông thôn mới làm cơ sở để tiếp tục giữ vững, duy trì và nâng cao các tiêu chí đã đạt, đảm bảo tính bền vững nhằm thúc đẩy phong trào ở trình độ, chất lượng cao hơn.

Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao chỉ xác định những tiêu chí và chỉ tiêu mới hoặc có mức yêu cầu mới, không lặp lại các tiêu chí và các chỉ tiêu không thay đổi trong Bộ tiêu chí đã ban hành theo Quyết định số 2276/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh, bổ sung bảng tiêu chí nông thôn mới đính kèm theo Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 22/5/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai. Các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, ngoài việc đạt được các tiêu chí, chỉ tiêu theo bộ tiêu chí này, còn phải đảm bảo duy trì đạt các tiêu chí và chỉ tiêu khi được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao của tỉnh sẽ được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và tình hình thực tế ở địa phương trong từng giai đoạn.

Điều 2. Trách nhiệm của các Sở, ngành trong việc phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa tổ chức thực hiện các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới nâng cao thuộc chức năng, nhiệm vụ của các sở, ngành phụ trách:

1. Tiêu chí số 1: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện hàng năm, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm.

2. Tiêu chí số 2: Sở Giao thông chủ trì, hướng dẫn thực hiện, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm.

3. Tiêu chí số 3: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn thực hiện, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm.

4. Tiêu chí số 4: Sở Công thương chủ trì hướng dẫn thực hiện, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm.

5. Tiêu chí số 5: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì hướng dẫn thực hiện, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm.

6. Tiêu chí số 6: Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì hướng dẫn thực hiện, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm.

7. Tiêu chí số 7: Sở Công Thương chủ trì hướng dẫn thực hiện, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm.

8. Tiêu chí số 8: Sở Xây dựng chủ trì hướng dẫn thực hiện, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm.

9. Tiêu chí số 9: Cục Thống kê chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương chủ trì hướng dẫn thực hiện, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm (chỉ tiêu 9.1). Đồng thời phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương trong việc hướng dẫn thực hiện, xây dựng phương pháp tính toán thống nhất cho các tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn thực hiện, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm (chỉ tiêu 9.2; 9.3).

10. Tiêu chí số 10: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì hướng dẫn thực hiện, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm.

11. Tiêu chí số 11: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì hướng dẫn thực hiện, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm.

12. Tiêu chí số 12: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn thực hiện, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm (chỉ tiêu 12.1; 12.3; 12.4)

Liên minh Hợp tác xã chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm (chỉ tiêu 12.2)

13. Tiêu chí số 13: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, hướng dẫn thực hiện, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm.

14. Tiêu chí số 14: Sở Y tế chủ trì, hướng dẫn thực hiện, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm.

15. Tiêu chí số 15: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chủ trì, hướng dẫn thực hiện, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm.

16. Tiêu chí số 16: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, hướng dẫn thực hiện, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm (chỉ tiêu 16.1).

Sở Y tế chủ trì, hướng dẫn thực hiện, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm (chỉ tiêu 16.2).

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, hướng dẫn thực hiện, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm (chỉ tiêu 16.3; 16.4)

17. Tiêu chí số 17: Sở Nội vụ chủ trì, hướng dẫn thực hiện, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm (chỉ tiêu 17.1)

Ban Dân vận Tỉnh ủy: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm (chỉ tiêu 17.2)

18. Tiêu chí số 18: Công an tỉnh chủ trì, hướng dẫn thực hiện, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm (chỉ tiêu 18.1).

Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh: Chủ trì, hướng dẫn thực hiện, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm (chỉ tiêu 18.2).

19. Các sở, ngành đã được phân công phụ trách các tiêu chí và chỉ tiêu trong bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao có trách nhiệm xây dựng kế hoạch giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí và chỉ tiêu của các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, thường xuyên kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với các tiêu chí và chỉ tiêu này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương công bố Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao. Hướng dẫn triển khai tổ chức thực hiện, xây dựng kế hoạch, tổng hợp, lập kế hoạch hàng năm của tỉnh trên cơ sở kế hoạch của các ngành, địa phương. Lập báo cáo đánh giá và công bố mức độ đạt được từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao của toàn tỉnh trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

Có trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng quy định xét công nhận xã đạt tiêu chuẩn "Nông thôn mới nâng cao" báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa có trách nhiệm hướng dẫn các xã đánh giá, tổng hợp và công bố mức độ đạt được từng

tiêu chí nông thôn mới nâng cao từng xã của huyện. Kết quả báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh đồng thời gửi cho các Sở, ngành có liên quan trước ngày 20 tháng 10 hàng năm.

3. UBND các xã đạt chuẩn nông thôn mới căn cứ Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao của tỉnh để đánh giá tỷ lệ kết quả đạt được trong năm và báo cáo gửi về UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa trước ngày 15 tháng 10 hàng năm.

4. Các sở, ngành của tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, phối hợp với các địa phương, theo dõi, đánh giá các tiêu chí từng huyện. Hàng năm, trước khi công bố kết quả đánh giá các tiêu chí nông thôn mới nâng cao do ngành đảm trách, các Sở, ngành phải có sự thống nhất với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh và Cục Thống kê tỉnh.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các thành viên Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5 (thực hiện);
- Ban Chỉ đạo TW CTMTQG XDNTM;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường UBNDTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Điều phối TW CTMTQG XDNTM;
- Văn phòng Điều phối CT NTM tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, VX, CNN.

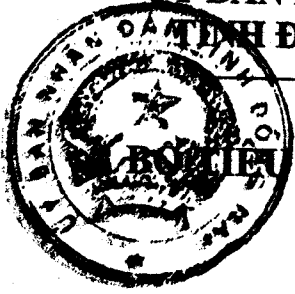
An. 01-30

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đình Quốc Thái

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI



CHỈ TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO TỈNH ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 387/QĐ-UBND

ngày 10/02/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai)

| TT | Tên tiêu chí | Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao | |
|-------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| | | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu chung |
| I. QUY HOẠCH | | | |
| 1 | Quy hoạch và thực hiện quy hoạch | Quản lý và tổ chức triển khai thực hiện đúng quy hoạch xây dựng nông thôn mới; thường xuyên cập nhật, rà soát, bổ sung quy hoạch. | Đạt |
| II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI | | | |
| 2 | Giao thông | 2.1. Tỷ lệ km đường trục thôn xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn Bộ GTVT | 100% |
| | | 2.2. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm được cứng hóa theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT | 100% |
| | | 2.3. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT | ≥ 25% |
| | | 2.4. Tỷ lệ các cấp đường giao thông nông thôn được bảo trì thường xuyên, bảo đảm sáng, xanh, sạch, đẹp | Đạt |
| 3 | Thủy lợi | 3.1. Tỷ lệ diện tích đất được tưới để sản xuất vào mùa khô từ các nguồn (trừ trường hợp thiếu nguồn nước, kể cả nguồn nước ngầm) | ≥ 80% |
| | | 3.2. Tỷ lệ km kênh mương trên địa bàn xã được kiên cố hóa. | 100% |
| 4 | Điện | Tỷ lệ diện đáp ứng nhu cầu cho khu sản xuất, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản tập trung theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt | ≥ 85% |

| TT | Tên tiêu chí | Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao | |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| | | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu chung |
| 5 | Trường học | Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia. | ≥ 80% |
| 6 | Điểm thông tin khoa học Công nghệ | Xã có điểm thông tin khoa học - công nghệ đạt hiệu quả theo quy định | Đạt |
| 7 | Chợ nông thôn | Chợ đạt chuẩn chợ văn hóa theo chuẩn của tỉnh | Đạt |
| 8 | Nhà ở dân cư | Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn Bộ Xây dựng | 100% |
| III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT | | | |
| 9 | Phát triển sản xuất và nâng cao thu nhập | 9.1. Thu nhập bình quân đầu người/năm | Năm 2015: ≥ 45 triệu |
| | | | Năm 2016: ≥ 51 triệu |
| | | | Năm 2017: ≥ 58 triệu |
| | | 9.2 Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân trên 01 ha trồng trọt và nuôi trồng thủy sản (theo giá thực tế) | Năm 2015: ≥ 120 triệu |
| | | | Năm 2016: ≥ 130 triệu |
| 9.3 Tỷ lệ cơ giới hóa bình quân các khâu trong sản xuất nông nghiệp | Năm 2017: ≥ 140 triệu | | |
| | > 80% | | |
| 9.4. Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới theo hướng dẫn của ngành nông nghiệp | ≥ 50% | | |
| 10 | Hộ nghèo | Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn của tỉnh (áp dụng theo chuẩn nghèo mới của tỉnh) | < 1% |
| 11 | Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên | 11.1. Tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động | ≥ 95% |
| | | 11.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo | ≥ 60% |

| TT | Tên tiêu chí | Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao | |
|------------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| | | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu chung |
| 12 | Hình thức tổ chức sản xuất | 12.1. Tỷ lệ Hợp tác xã hoạt động có hiệu quả | ≥ 80% |
| | | 12.2. Tỷ lệ Tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả | ≥ 90% |
| | | 12.3. Tỷ lệ hộ sản xuất, kinh doanh tham gia HTX, THT, CLB | ≥ 50% |
| | | 12.4. Có mô hình chuỗi liên kết sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp (liên kết nông dân với doanh nghiệp) | Đạt |
| IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG | | | |
| 13 | Giáo dục | 13.1. Tỷ lệ trẻ vào mẫu giáo | 100% |
| | | 13.2. Tỷ lệ trẻ vào nhà trẻ | ≥ 50% |
| 14 | Y tế | 14.1. Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế | ≥ 90% |
| | | 14.2. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên khu vực nông thôn | < 0,5% |
| | | 14.3. Tỷ lệ suy dinh dưỡng đối với trẻ em dưới 05 tuổi | < 5% |
| 15 | Văn hóa | Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn áp văn hóa theo quy định của Bộ VH-TT-DL | 100% |
| 16 | Môi trường | 16.1. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch và nước hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia | Nước hợp vệ sinh: 100% Nước sạch: ≥ 60% |
| | | 16.2. Tỷ lệ hộ dân có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt chuẩn, đảm bảo vệ sinh an toàn đối với khu vực sinh hoạt của con người | 100% |
| | | 16.3. Tỷ lệ hộ dân có chuồng trại gia súc, gia cầm, chất thải, nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn/quy chuẩn theo quy định | 100% |
| | | 16.4. Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường | 100% |

| TT | Tên tiêu chí | Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao | |
|------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| | | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu chung |
| | | 16.5. Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải, chất thải sinh hoạt | 95% |
| V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ | | | |
| 17 | Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh | 17.1. Xã có bộ trí công chức chuyên trách về xây dựng nông thôn mới | Đạt |
| | | 17.2. Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu vững mạnh trở lên | Đạt |
| 18 | An ninh-Quốc phòng | 18.1 An ninh Trật tự xã hội được giữ vững | Đạt |
| | | 18.2 Xây dựng quốc phòng toàn dân vững mạnh trên địa bàn xã đạt chuẩn quy định | Đạt |
| | 18 tiêu chí | 36 chỉ tiêu | |